

## Chương VI

### XÂY DỰNG HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ

Hệ thống chính trị của chủ nghĩa xã hội được quan niệm là hệ thống các tổ chức chính trị - xã hội mà nhờ đó nhân dân lao động thực thi quyền lực của mình trong xã hội. Hệ thống chính trị này bao trùm và điều chỉnh mọi quan hệ chính trị giữa các giai cấp, tầng lớp xã hội; giữa các dân tộc trong cộng đồng xã hội; giữa các yếu tố xã hội; tập thể và cá nhân về vấn đề quyền lực, về hoạch định đường lối, chủ trương chính sách phát triển xã hội. Ở mỗi giai đoạn cách mạng, khái niệm hệ thống chính trị có những nội hàm đặc thù nên được gọi bằng những thuật ngữ khác nhau.

Hệ thống chính trị ở Việt Nam hiện nay bao gồm: Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc và 5 đoàn thể chính trị - xã hội (Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Hội nông dân Việt Nam), và các mối quan hệ giữa các thành tố trong hệ thống.

#### **I. Đường lối xây dựng hệ thống chính trị thời kỳ trước đổi mới (1945-1989)**

##### ***1. Hoàn cảnh lịch sử và chủ trương xây dựng hệ thống chính trị***

*\* Hệ thống chính trị dân chủ nhân dân (giai đoạn 1945-1954)*

Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời năm 1945 đánh dấu sự hình thành một hệ thống chính trị ở nước ta với các đặc trưng sau đây:

- Hệ thống này là thực hiện nhiệm vụ đánh đuổi bọn đế quốc xâm lược, giành độc lập và thống nhất thật sự cho dân tộc, xóa bỏ những tàn tích phong kiến và nửa phong kiến làm cho người cày có ruộng, phát triển chế độ dân chủ nhân dân, gây cơ sở cho chủ nghĩa xã hội. Khẩu hiệu “Dân tộc trên hết, Tổ quốc trên hết” là cơ sở tư tưởng cho hệ thống chính trị giai đoạn này.

- Dựa trên nền tảng khối đại đoàn kết dân tộc hết sức rộng rãi: không phân biệt giống nòi, giai cấp, tôn giáo, ý thức hệ, chủ thuyết; không chủ trương đấu tranh giai cấp, đặt lợi ích dân tộc lên cao nhất.

- Có một chính quyền tự xác định và thực hiện là công bộc của dân, coi dân là chủ và dân làm chủ, cán bộ sống và làm việc giản dị, cần kiệm, liêm chính, chí công vô tư.

- Vai trò lãnh đạo của Đảng (từ tháng 11 năm 1945 đến tháng 2 năm 1951) được ẩn trong vai trò của Quốc hội và Chính phủ, trong vai trò cá nhân Hồ Chí Minh và các đảng viên trong Chính phủ.

- Có Mặt trận Liên Việt và nhiều tổ chức quần chúng rộng rãi, làm việc tự nguyện, không hưởng lương và không nhận kinh phí hoạt động từ nguồn ngân sách nhà nước, do đó không

có điều kiện công chức hóa, quan liêu hóa.

- Cơ sở kinh tế chủ yếu của hệ thống chính trị dân chủ nhân dân là nền sản xuất tư nhân hàng hóa nhỏ, phân tán, tự cấp, tự túc; hậu quả của chế độ thực dân và tác động của chiến tranh kìm hãm, chưa có viện trợ.

- Đã xuất hiện, ở một mức độ nhất định, sự giám sát của xã hội dân sự đối với Nhà nước và Đảng; sự phản biện của hai đảng khác (Đảng Dân chủ và Đảng Xã hội) đối với Đảng Cộng sản Việt Nam. Nhờ đó, giảm thiểu rõ rệt các tệ nạn thường thấy phát sinh trong bộ máy công quyền.

*\* Hệ thống chuyên chính vô sản (1955-1975 và 1975-1989)*

Hệ thống chính trị của Việt Nam có sự chuyển biến từ hệ thống chuyên chính dân chủ nhân dân làm nhiệm vụ lịch sử của chuyên chính vô sản trong phạm vi cả nước (giai đoạn 1955-1975) sang hệ thống chuyên chính vô sản hoạt động trong phạm vi cả nước. Đại hội IV nhận định: muốn đưa sự nghiệp cách mạng đến toàn thắng điều kiện quyết định trước tiên là phải thiết lập và không ngừng tăng cường chuyên chính vô sản, thực hiện và không ngừng phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động.

*a) Cơ sở hình thành hệ thống chuyên chính vô sản ở nước ta*

- Lý luận Mác - Lê-nin về thời kỳ quá độ và về chuyên chính vô sản.

- + C.Mác chỉ ra rằng giữa xã hội tư bản chủ nghĩa và xã hội cộng sản chủ nghĩa là một thời kỳ cải biến cách mạng từ xã hội nọ đến xã hội kia, thích ứng với thời kỳ ấy là một thời kỳ quá độ chính trị. Nhà nước của thời kỳ ấy không thể là cái gì khác hơn là nền chuyên chính cách mạng của giai cấp vô sản. V.I.Lê-nin nhấn mạnh: muốn chuyển từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội thì phải chịu đựng lâu dài nỗi đau đớn của thời kỳ sinh đẻ, phải có một thời kỳ chuyên chính vô sản lâu dài. Bản chất của chuyên chính vô sản là sự tiếp tục đấu tranh giai cấp dưới hình thức mới.

- + Chuyên chính vô sản là tất yếu của thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản đến chủ nghĩa xã hội. Nhưng việc vận dụng tư tưởng này cần sự xuất phát từ điều kiện lịch sử cụ thể của mỗi quốc gia. Thí dụ, sự vận dụng sáng tạo chuyên chính vô sản vào tình hình cụ thể nước ta đã được thể hiện sinh động trong việc ra đời Nhà nước Việt Nam

Dân chủ cộng hòa và hệ thống chính trị Dân chủ nhân dân giai đoạn 1945 - 1954.

- Đường lối chung của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới.

- + Trong Báo cáo chính trị của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV (năm 1976) về đường lối chung của cách mạng xã hội chủ nghĩa trong giai đoạn mới ở nước ta đã nhấn mạnh: nắm vững chuyên chính vô sản, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng (cách mạng về quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học - kỹ thuật và cách mạng tư tưởng văn hóa), trong đó cách mạng khoa học - kỹ thuật là

then chốt.

+ Ngày 18-12-1980, Quốc hội khóa VI đã thông qua Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, trong đó khẳng định: “Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Nhà nước chuyên chính vô sản”.

+ Đại hội Đảng lần thứ V (1982) tiếp tục khẳng định đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa và đường lối xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa do Đại hội IV đề ra.

Như vậy, kể từ Đại hội III của Đảng (tháng 9 - 1960) cho đến khi Đảng đề ra đường lối đổi mới đất nước, hệ thống chính trị nước ta được tổ chức và hoạt động theo các yêu cầu, mục tiêu, nhiệm vụ của chuyên chính vô sản và do vậy, tên gọi chính thức của hệ thống này được xác định là hệ thống chuyên chính vô sản.

- Cơ sở chính trị của hệ thống chuyên chính vô sản ở nước ta được hình thành từ năm 190 và bắt rễ vững chắc trong lòng dân tộc và xã hội. Điểm cốt lõi của cơ sở chính trị đó là sự lãnh đạo toàn diện và tuyệt đối của Đảng Cộng sản Việt Nam. Mặc dù ở miền Bắc, Đảng Cộng sản Việt Nam không phải là đảng chính trị độc nhất mà còn có Đảng Dân chủ, Đảng Xã hội, nhưng những đảng chính trị này thừa nhận vai trò lãnh đạo tuyệt đối và duy nhất của Đảng Cộng sản Việt Nam và là thành viên trong Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

- Cơ sở kinh tế của hệ thống chuyên chính vô sản là nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung quan liêu, bao cấp. Đó là mô hình kinh tế hướng tới mục tiêu xóa bỏ nhanh chóng và toàn thể chế độ tư hữu đối với tư liệu sản xuất với ý nghĩa là nguồn gốc và cơ sở của chế độ người bóc lột người, thiết lập chế độ công hữu xã hội chủ nghĩa về tư liệu sản xuất dưới hai hình thức: sở hữu nhà nước và sở hữu tập thể, loại bỏ triệt để cơ chế thị trường, thiết lập cơ chế quản lý kinh tế kế hoạch hóa tập trung, bao cấp. Nhà nước trở thành một tổ chức kinh tế bao trùm. Từ đó cách tổ chức và hoạt động của hệ thống chuyên chính vô sản không thể không phản chiếu cả ưu điểm lẫn hạn chế, sai lầm của mô hình kinh tế này.

- Cơ sở xã hội của hệ thống chuyên chính vô sản là liên minh giai cấp giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức. Kết quả của cuộc đấu tranh giai cấp trong lĩnh vực chính trị, kinh tế và kết quả cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với các thành phần kinh tế phi xã hội chủ nghĩa, đã tạo nên một kết cấu xã hội bao gồm chủ yếu là hai giai cấp và một tầng lớp: giai cấp công nhân, giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức. Tình hình này đã ảnh hưởng đến sự thực hiện chiến lược đại đoàn kết dân tộc.

#### *b) Chủ trương xây dựng hệ thống chuyên chính vô sản mang đặc điểm Việt Nam*

- Trong giai đoạn này việc xây dựng hệ thống chuyên chính vô sản được quan niệm là xây dựng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa: xây dựng hệ thống hoàn chỉnh các quan hệ xã hội thể hiện ngày càng đầy đủ sự làm chủ của nhân dân lao động trên tất cả các mặt chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, làm chủ xã hội, làm chủ thiên nhiên, làm chủ bản thân.

- Hệ thống chuyên chính vô sản gồm những nội dung sau:

- + Xác định quyền làm chủ của nhân dân được thể chế hóa bằng pháp luật và tổ chức.
- + Xác định Nhà nước trong thời kỳ quá độ là nhà nước chuyên chính vô sản thực hiện chế độ dân chủ xã hội chủ nghĩa, là một tổ chức thực hiện quyền làm chủ tập thể của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, một tổ chức thông qua đó Đảng thực hiện sự lãnh đạo của mình đối với tiến trình phát triển của xã hội. Nhà nước ta phải là một thiết chế của dân, do dân, vì dân, đủ năng lực xây dựng chế độ mới, nền kinh tế mới, nền văn hóa mới và con người mới.
- + Xác định Đảng là người lãnh đạo toàn bộ hoạt động xã hội trong điều kiện chuyên chính vô sản. Sự lãnh đạo của Đảng là đảm bảo cao nhất cho chế độ làm chủ tập thể của nhân dân lao động, cho sự tồn tại và hoạt động của nhà nước xã hội chủ nghĩa.
- + Xác định nhiệm vụ chung của Mặt trận và các đoàn thể là nhằm bảo đảm cho quần chúng tham gia và kiểm tra công việc của nhà nước, đồng thời là trường học về chủ nghĩa xã hội. Vai trò và sức mạnh của các đoàn thể chính là ở khả năng tập hợp quần chúng, hiểu rõ tâm tư và nguyện vọng của quần chúng, nâng cao giác ngộ xã hội chủ nghĩa cho quần chúng. Muốn vậy, các đoàn thể phải đổi mới hình thức tổ chức, nội dung và phương thức hoạt động phù hợp với điều kiện mới. Hoạt động của các đoàn thể phải năng động, nhạy bén với những vấn đề mới nảy sinh trong cuộc sống, khắc phục bệnh quan liêu, giản đơn và khô cứng trong tổ chức và trong sinh hoạt. Mở rộng các hình thức tổ chức theo nghề nghiệp, theo nhu cầu đời sống và nhu cầu sinh hoạt văn hóa để thu hút đông đảo quần chúng vào các hoạt động chính trị, xã hội.
- + Xác định mối quan hệ Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ, nhà nước quản lý là cơ chế chung trong quản lý toàn bộ xã hội.

## **2. Đánh giá sự thực hiện đường lối**

### **- Đánh giá thực hiện đường lối**

- + Hoạt động của hệ thống chuyên chính vô sản đã góp phần mang lại những thành tựu mà nhân dân ta đạt được trong giai đoạn 1975-1986 đầy khó khăn, thử thách. Điểm tìm tòi, sáng tạo trong giai đoạn này của Đảng là coi làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa là bản chất của hệ thống chuyên chính vô sản ở nước ta, đã xây dựng mối quan hệ Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ, nhà nước quản lý thành cơ chế chung trong hoạt động của hệ thống chính trị ở tất cả các cấp, các địa phương.
- + Trong hệ thống chuyên chính vô sản giai đoạn này, mối quan hệ giữa Đảng, nhà nước, nhân dân ở từng cấp, từng đơn vị chưa được xác định thật rõ; mỗi tổ chức trong hệ thống chuyên chính vô sản chưa làm tốt chức năng của mình. Chế độ trách nhiệm chưa được thực thi đúng, pháp chế xã hội chủ nghĩa còn nhiều thiếu sót.
- + Bộ máy nhà nước công kênh và kém hiệu quả là cơ chế quản lý tập trung quan liêu, bao cấp là nguyên nhân trực tiếp; các cơ quan dân cử các cấp được lựa chọn, bầu cử và hoạt động một cách hình thức chủ nghĩa. Không ít cơ quan chính quyền không tôn trọng ý kiến

của nhân dân, không làm công tác vận động quần chúng, chỉ quen dùng các biện pháp mệnh lệnh hành chính.

+ Sự lãnh đạo của Đảng chưa ngang tầm những nhiệm vụ của giai đoạn mới, chưa đáp ứng được các yêu cầu giải quyết nhiều vấn đề kinh tế - xã hội cơ bản và cấp bách. Nguồn gốc sâu xa là coi nhẹ công tác xây dựng Đảng. Có tình trạng tập trung quan liêu, gia trưởng, độc đoán trong phương thức lãnh đạo của Đảng. Trong 10 năm 1976-1986 trên 19 vạn đảng viên bị đưa ra khỏi Đảng, có người bị truy tố trước pháp luật. Trong số đó, một phần lớn là những đảng viên phạm sai lầm hoặc vi phạm các phẩm chất đạo đức.

+ Đảng chưa phát huy tốt vai trò và chức năng của các đoàn thể trong việc giáo dục, động viên quần chúng tham gia quản lý kinh tế - xã hội. Các đoàn thể chưa tích cực đổi mới phương thức hoạt động đúng với tính chất của tổ chức quần chúng.

- Nguyên nhân: Duy trì quá lâu cơ chế quản lý kinh tế tập trung, quan liêu, bao cấp; Hệ thống chuyên chính vô sản có biểu hiện bảo thủ, trì trệ, chậm đổi mới so với những đột phá trong cơ chế kinh tế đang diễn ra ở các địa phương, các cơ sở trong toàn quốc. Do đó, nó đã cản trở quá trình đổi mới kinh tế; Bệnh chủ quan, duy ý chí; tư tưởng tiểu tư sản vừa “tả” khuynh, vừa hữu khuynh trong vai trò lãnh đạo của Đảng; Những hạn chế, sai lầm trên đây cùng những yêu cầu đổi mới đã thúc đẩy chúng ta phải đổi mới hệ thống chuyên chính vô sản thành hệ thống chính trị trong thời kỳ mới.

## **II. Đường lối xây dựng hệ thống chính trị thời kỳ đổi mới**

### **1. Quá trình hình thành đường lối đổi mới hệ thống chính trị**

\* Nhận thức về mối quan hệ giữa đổi mới kinh tế và đổi mới hệ thống chính trị. Đổi mới hệ thống chính trị là đáp ứng yêu cầu chuyển đổi từ thể chế kinh tế kế hoạch hóa tập trung, quan liêu, bao cấp sang thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

\* Nhận thức mới về mục tiêu đổi mới hệ thống chính trị.

- Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (năm 1991) khẳng định “Toàn bộ tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị nước ta trong giai đoạn mới nhằm xây dựng và từng bước hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền lực thuộc về nhân dân”.

- Báo cáo chính trị tại Đại hội VII (năm 1991) nhấn mạnh, thực chất của việc đổi mới và kiện toàn hệ thống chính trị nước ta là xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa.

- Dân chủ vừa là mục tiêu, vừa là động lực của công cuộc đổi mới.

\* Nhận thức mới về đấu tranh giai cấp và về động lực chủ yếu phát triển đất nước trong giai đoạn mới.

- Đại hội IX cho rằng: trong thời kỳ quá độ, có nhiều hình thức sở hữu về tư liệu sản xuất, nhiều thành phần kinh tế, giai cấp, tầng lớp xã hội khác nhau, nhưng cơ cấu, tính chất, vị



trí của các giai cấp trong xã hội ta đã thay đổi nhiều cùng với những biến đổi to lớn về kinh tế, xã hội. Mọi quan hệ giữa các giai cấp, các tầng lớp xã hội là quan hệ hợp tác và đấu tranh trong nội bộ nhân dân, đoàn kết và hợp tác lâu dài trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc dưới sự lãnh đạo của Đảng. Lợi ích giai cấp công nhân thống nhất với lợi ích toàn dân tộc trong mục tiêu chung là: độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

- Nội dung chủ yếu của đấu tranh giai cấp trong giai đoạn hiện nay là thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo định hướng xã hội chủ nghĩa, khắc phục tình trạng nước nghèo, kém phát triển; thực hiện công bằng xã hội, chống áp bức, bất công; đấu tranh ngăn chặn và khắc phục những tư tưởng và hành động tiêu cực, sai trái; đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu và hành động chống phá của các thế lực thù địch; bảo vệ độc lập dân tộc, xây dựng nước ta thành một nước xã hội chủ nghĩa phồn vinh, nhân dân hạnh phúc.

- Động lực chủ yếu phát triển đất nước là đại đoàn kết toàn dân trên cơ sở liên minh giữa công nhân với nông dân và trí thức do Đảng lãnh đạo, kết hợp hài hòa các lợi ích cá nhân, tập thể và xã hội, phát huy mọi tiềm năng và nguồn lực của các thành phần kinh tế, của toàn xã hội.

\* Nhận thức mới về cơ cấu và cơ chế vận hành của hệ thống chính trị

Hệ thống chính trị vận hành theo cơ chế:

- Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ”; trong đó, Đảng vừa là một bộ phận của hệ thống chính trị, vừa là hạt nhân lãnh đạo hệ thống ấy, hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp, pháp luật; không chấp nhận đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập.

- Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo; có chức năng thể chế hóa và tổ chức thực hiện đường lối, quan điểm của Đảng.

- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là liên minh chính trị của các đoàn thể nhân dân và cá nhân tiêu biểu của các giai cấp và tầng lớp xã hội, các dân tộc, các tôn giáo; là cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân; hoạt động theo phương thức hiệp thương dân chủ, có vai trò quan trọng trong việc thực hiện phản biện, giám sát xã hội, góp phần xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước, phát huy quyền làm chủ của nhân dân.

- Nhân dân là người làm chủ xã hội, làm chủ thông qua Nhà nước và các cơ quan đại diện, đồng thời làm chủ trực tiếp cơ sở thông qua cơ chế “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”; làm chủ thông qua hình thức tự quản.

\* Nhận thức mới về xây dựng nhà nước pháp quyền trong hệ thống chính trị.

Trong đổi mới tư duy về hệ thống chính trị, vấn đề đổi mới tư duy về Nhà nước có tầm quan trọng đặc biệt. Thuật ngữ “xây dựng nhà nước pháp quyền” lần đầu tiên được đề

cập tại Hội nghị Trung ương 2 khóa VII (năm 1991). Đến hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khóa VII (năm 1991) và các Đại hội VIII, IX, X, Đảng Cộng sản Việt Nam tiếp tục khẳng định nhiệm vụ xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam và làm rõ thêm: nhà nước quản lý xã hội bằng Hiến pháp và pháp luật; pháp luật giữ vị trí tối thượng trong việc điều chỉnh các quan hệ xã hội; người dân được hưởng mọi quyền dân chủ, có quyền tự do sống và làm việc theo khả năng và sở thích của mình trong phạm vi pháp luật cho phép.

\* Nhận thức mới về vai trò của Đảng trong hệ thống chính trị.

Nhận thức rõ hơn về vị trí, vai trò và phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị. Đảng Cộng sản Việt Nam cầm quyền là đảng lãnh đạo nhà nước nhưng không làm thay nhà nước. Đảng quan tâm xây dựng và củng cố Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội, phát huy vai trò của các thành tố này trong quản lý, điều hành xã hội. Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng phải đồng bộ với đổi mới tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị, đổi mới kinh tế.

## ***2. Mục tiêu, quan điểm và chủ trương xây dựng hệ thống chính trị thời kỳ đổi mới***

### ***a) Mục tiêu và quan điểm xây dựng hệ thống chính trị***

\* Mục tiêu: nhằm thực hiện tốt dân chủ xã hội chủ nghĩa, phát huy đầy đủ quyền làm chủ của nhân dân. Toàn bộ tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị ở nước ta trong giai đoạn mới là nhằm xây dựng và hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền lực thuộc về dân nhân.

\* Quan điểm:

- Kết hợp chặt chẽ ngay từ đầu đổi mới kinh tế với đổi mới chính trị, lấy đổi mới kinh tế làm trọng tâm, đồng thời từng bước đổi mới chính trị.

- Đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động của hệ thống chính trị không phải là hạ thấp hoặc thay đổi bản chất của nó, mà là nhằm tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, hiệu lực quản lý của nhà nước, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, làm cho hệ thống chính trị năng động hơn, có hiệu quả hơn, phù hợp với đường lối đổi mới toàn diện, đồng bộ đất nước, đặc biệt là phù hợp với yêu cầu của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn liền với kinh tế tri thức, yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế.

- Đổi mới hệ thống chính trị một cách toàn diện, đồng bộ, có kế thừa, có bước đi và cách làm phù hợp.

- Đổi mới mối quan hệ giữa các bộ phận cấu thành của hệ thống chính trị với nhau và với xã hội, tạo ra sự vận động cùng chiều theo hướng tác động, thúc đẩy xã hội phát triển, phát huy quyền làm chủ của nhân dân.

### *b) Chủ trương xây dựng hệ thống chính trị*

- Xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam trong hệ thống chính trị

+ Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam, đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của dân tộc.

+ Phương thức lãnh đạo: Đảng lãnh đạo xã hội bằng cương lĩnh, chiến lược, các định hướng về chính sách và chủ trương công tác; bằng công tác tuyên truyền, thuyết phục, vận động, tổ chức kiểm tra và bằng hành động gương mẫu của đảng viên. Đảng giới thiệu những đảng viên ưu tú có đủ năng lực và phẩm chất vào hoạt động trong các cơ quan lãnh đạo chính quyền và các đoàn thể. Đảng không làm thay công việc của các tổ chức khác trong hệ thống chính trị. Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị, đồng thời là một bộ phận của hệ thống ấy. Đảng liên hệ mật thiết với nhân dân, chịu sự giám sát của nhân dân, hành động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật.

+ Trọng tâm của đổi mới hệ thống chính trị là đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động của các bộ phận cấu thành hệ thống. Vấn đề mấu chốt và khó khăn nhất là đổi mới phương thức hoạt động của Đảng, khắc phục cả hai khuynh hướng thường xảy ra trong thực tế: hoặc Đảng bao biện, làm thay, hoặc là buông lỏng sự lãnh đạo của Đảng.

+ Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của hệ thống chính trị phải được đặt trong tổng thể, dựa trên cơ sở kiên định các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng, đồng thời phải chủ động, tích cực, có quyết tâm chính trị cao, thận trọng, có bước đi vững chắc, vừa làm vừa tổng kết, vừa rút kinh nghiệm.

+ Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của hệ thống chính trị ở mỗi cấp, mỗi ngành vừa phải quán triệt những nguyên tắc chung, vừa phải phù hợp với đặc điểm, yêu cầu, nhiệm vụ của từng cấp, từng ngành.

- Xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa

+ Nhà nước pháp quyền là một tất yếu lịch sử. Chế định nhà nước pháp quyền không phải một kiểu nhà nước, chế độ nhà nước. Nhà nước pháp quyền là cách thức tổ chức phân công quyền lực nhà nước. Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam được xây dựng theo 5 đặc điểm sau đây:

> Nhà nước của dân, do dân và vì dân, tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân.

> Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công rành mạch và phối hợp chặt chẽ giữa cơ quan nhà nước trong thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp.

> Nhà nước được tổ chức và hoạt động trên cơ sở Hiến pháp, pháp luật và đảm bảo cho Hiến pháp và các đạo luật giữ vị trí tối thượng trong điều chỉnh các quan hệ thuộc tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội.



> Nhà nước tôn trọng và bảo đảm quyền con người, quyền công dân; nâng cao trách nhiệm pháp lý giữa nhà nước và công dân, thực hành dân chủ, đồng thời tăng cường kỷ cương, kỷ luật.

> Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam do một đảng duy nhất lãnh đạo, có sự giám sát của nhân dân, sự phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và tổ chức thành viên của Mặt trận.

+ Các biện pháp lớn để xây dựng nhà nước pháp quyền: Hoàn thiện hệ thống pháp luật, tăng tính cụ thể, khả thi của các quy định trong văn bản pháp luật. Xây dựng, hoàn thiện cơ chế kiểm tra, giám sát tính hợp hiến, hợp pháp trong các hoạt động và quyết định của cơ quan công quyền; Tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động của Quốc hội; hoàn thiện cơ chế bầu cử để nâng cao chất lượng đại biểu Quốc hội; đổi mới quy trình xây dựng luật, giảm việc ban hành pháp lệnh...

- Xây dựng Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong hệ thống chính trị.

+ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội có vai trò quan trọng trong việc tập hợp, vận động, đoàn kết rộng rãi các tầng lớp nhân dân; đại diện cho quyền và lợi ích hợp pháp của nhân dân, đề xuất các chủ trương, chính sách về kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng.

+ Nhà nước ban hành cơ chế để Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội thực hiện tốt vai trò giám sát và phản biện xã hội.

+ Thực hiện Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Luật Thanh Niên, Luật Công đoàn..., quy chế dân chủ ở mọi cấp để Mặt trận, các tổ chức chính trị - xã hội và các tầng lớp nhân dân tham gia xây dựng hệ thống chính trị.

+ Đổi mới hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, khắc phục tình trạng hành chính hóa, nhà nước hóa, phô trương, hình thức; nâng cao chất lượng hoạt động; làm tốt công tác dân vận theo phong cách trọng dân, gần dân, hiểu dân, học dân và có trách nhiệm với dân, nghe dân nói, nói dân hiểu, làm dân tin.

### **3. Đánh giá sự thực hiện đường lối**

\* Thành tựu và ý nghĩa

- Hệ thống chính trị ở nước ta đã có nhiều đổi mới:

+ Tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị được sắp xếp theo hướng tinh gọn, hiệu quả. Hoạt động của hệ thống chính trị ngày càng hướng về cơ sở. Quốc hội, Chính phủ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp trong các khóa đã đổi mới theo hướng phát huy dân chủ, cải cách hành chính, công khai các hoạt động của chính quyền, tăng cường đối thoại, tôn trọng và lắng nghe ý kiến của nhân dân.

+ Dân chủ trong xã hội có bước phát triển. Trình độ và năng lực làm chủ của nhân dân

từng bước được nâng lên.

+ Nhiệm vụ và quyền hạn của các cơ quan nhà nước được phân định rõ hơn, phân biệt quản lý nhà nước với quản lý sản xuất kinh doanh. Cơ cấu tổ chức đến cơ chế hoạt động các lĩnh vực lập pháp, hành pháp và tư pháp từng bước được kiện toàn. Quản lý nhà nước bằng pháp luật được tăng cường.

+ Mặt trận, các tổ chức chính trị - xã hội có nhiều đổi mới về tổ chức, bộ máy: đổi mới nội dung và phương thức hoạt động, đa dạng hóa các hình thức để tập hợp ngày càng đông đảo các tầng lớp nhân dân, phát huy dân chủ, chăm lo và bảo vệ lợi ích chính đáng của nhân dân, tham gia xây dựng, chỉnh đốn Đảng, tham gia xây dựng và củng cố chính quyền; hướng mạnh hoạt động về cơ sở, bước đầu thực hiện nhiệm vụ giám sát và phản biện xã hội.

+ Đảng thường xuyên coi trọng việc đổi mới và tự chỉnh đốn, giữ vững và nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng đối với sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta trong điều kiện mới. Phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị, phong cách công tác có nhiều đổi mới và tiến bộ; dân chủ trong Đảng được phát huy, quan hệ mật thiết giữa Đảng với nhân dân được củng cố.

Hệ thống chính trị đã thực hiện có hiệu quả một số đổi mới quan trọng, đặc biệt về quyền làm chủ của nhân dân. Đổi mới về tổ chức và phương thức hoạt động của hệ thống chính trị đã góp phần xây dựng và từng bước hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền lực thuộc về nhân dân. Kết quả đạt được của đổi mới hệ thống chính trị đã khắc phục dần được những khuyết, nhược điểm của hệ thống chuyên chính vô sản trước đây, góp phần làm nên thành tựu to lớn và có ý nghĩa lịch sử của công cuộc đổi mới ở nước ta.

\* Tuy vậy, trên thực tế vận hành hệ thống chính trị nước ta còn nhiều nhược điểm:

- Năng lực và hiệu quả lãnh đạo của Đảng, hiệu lực quản lý, điều hành của Nhà nước, hiệu quả hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội chưa ngang tầm với đòi hỏi của tình hình, nhiệm vụ mới.

- Việc cải cách nền hành chính quốc gia còn rất hạn chế. Bộ máy hành chính còn nhiều tầng, nấc làm cho việc quản lý các quá trình kinh tế - xã hội chưa thật nhanh, nhạy và có hiệu quả cao. Tình trạng quan liêu, hách dịch, nhũng nhiễu của một bộ phận công chức nhà nước chưa được khắc phục; kỷ cương, phép nước bị xem thường ở nhiều nơi.

- Phương thức tổ chức, phong cách hoạt động của Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội vẫn chưa thoát khỏi tình trạng hoàn chỉnh, xơ cứng; một số cán bộ bị “viên chức hóa”, chưa thật gần bó với quần chúng. Nạn tham nhũng trong hệ thống chính trị còn trầm trọng, bệnh cục bộ, bản vị, địa phương còn khá phổ biến. Quyền làm chủ của nhân dân còn bị vi phạm.

- Vai trò giám sát, phản biện của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội còn yếu, chưa có cơ chế thật hợp lý để phát huy vai trò này. Đội ngũ cán bộ của hệ thống chính trị nói chung, của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội nói riêng chất

lượng còn hạn chế, nhất là cấp cơ sở.

- Phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của hệ thống chính trị còn chậm đổi mới, có mặt còn lúng túng.

\* Những hạn chế nêu trên xuất phát từ nguyên nhân chủ yếu là nhận thức về đổi mới hệ thống chính trị chưa có sự thống nhất cao, trong hoạch định và thực hiện một số chủ trương, giải pháp còn có sự ngập ngừng, lúng túng, thiếu dứt khoát, không triệt để. Việc đổi mới hệ thống chính trị chưa được quan tâm đúng mức, còn chậm trễ so với đổi mới kinh tế. Lý luận về hệ thống chính trị và về đổi mới hệ thống chính trị ở nước ta còn nhiều điểm cần phải nghiên cứu và phát triển thêm.

